

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T,  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09/01/2025

Về việc: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Bích Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Nhật Tân và ông Đặng Văn Thái

***-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Tô Tấn Cường – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

***-Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2024, về việc: “Xin ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 26 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 1376/2024/QĐST-DS, ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Phạm Thị D, sinh năm 1984, có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

*Bị đơn* **Võ Quang M**, sinh năm 1983, vắng mặt

Địa chỉ: Thôn N, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày:* Giữa chị với anh **Võ Quang M** tự tìm hiểu và kết hôn cuối năm 2005, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph vào ngày 12/10/2005. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do chồng chị không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, không lo làm ăn, chơi bời hay nhậu về chửi mắng, đánh đập vô cớ. Chị đã bỏ về nhà cha mẹ chị ở từ tháng 5 năm 2024 cho đến nay. Gia đình hai bên hòa giải, vợ chồng chị đã nhiều lần ngồi lại giải quyết mâu thuẫn, nhưng không có kết quả. Khi vợ chồng chị mâu thuẫn không báo chính quyền

địa phương nên địa phương không hòa giải. Nay chị D thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn anh M. Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung tên là Võ Thị Ngọc B, sinh ngày 06/02/2006, Võ Thị Thùy Q, sinh ngày 27/5/2013 và Võ Ngọc Phương U, sinh ngày 27/5/2018, hiện các con đang ở cùng chị. Nay ly hôn cháu B đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu giải quyết, còn hai cháu Q và Uyên thì chị D xin nuôi hai con. về cấp dưỡng: Trước đây chị D yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi đứa 1.000.000đ, đến tại phen tòa chị không yêu cầu cấp dưỡng. Về quan hệ tài sản chung: Chị D khai tự giải quyết tài sản chung, vợ chồng chị không nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra chị D không khai và không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn **Võ Quang M** vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù Tòa án đã tiến hành thực hiện việc tổng đạt và niêm yết nhiều lần theo quy định pháp luật nhưng bị đơn anh M vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị D.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị D ly hôn với anh M. Về quan hệ nuôi con chung: Chị D và anh M có 03 con chung tên là Võ Thị Ngọc B, sinh ngày 06/02/2006, Võ Thị Thùy Q, sinh ngày 27/5/2013 và Võ Ngọc Phương U, sinh ngày 27/5/2018. Riêng cháu B đã trưởng thành nên chị D không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét. Đối với cháu Q và cháu U chị D xin nuôi hai con là phù hợp với nguyện vọng của các con, nên giao cho chị D trực tiếp nuôi hai con, hiện hai con đang ở cùng chị D. Về cấp dưỡng chị D không yêu cầu anh M cấp dưỡng nên đề nghị Tòa không xét. Về quan hệ tài sản chung: Chị D khai tự giải quyết tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Võ Quang M**, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh **Võ Quang M** cư trú tại Thôn N, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh M vẫn cố tình vắng mặt không có lý do

nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị D thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị Phạm Thị D và anh **Võ Quang M** tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn từ năm 2005, có đăng ký kết hôn số 165 ngày 12/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Sơn, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị D và anh M là hợp pháp. Theo chị D khai trong thời gian sống chung anh M không có trách nhiệm với gia đình, không thương yêu vợ con, ham mê chơi bời, đánh đập và chửi mắng vợ con. Trong khi Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục về việc xin ly hôn của chị D tại địa phương nơi anh M cư trú nhưng anh M vẫn không đến Tòa, cũng không có bản trình bày ý kiến. Điều này chứng tỏ anh M không mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chị D và biên bản xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị D được ly hôn anh M.

[2].2 Về quan hệ nuôi con chung: Chị D và anh M có 03 con chung tên là Võ Thị Ngọc B, sinh ngày 06/02/2006, Võ Thị Thùy Q, sinh ngày 27/5/2013 và Võ Ngọc Phương U, sinh ngày 27/5/2018, hiện các con đang ở cùng chị D. Nay ly hôn chị D xin nuôi hai con là Quyên và Uyên, Hội đồng xét xử xét theo nguyện vọng của cháu Q mong muốn ở cùng chị D, cháu U thì vẫn đang ở cùng chị D nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao hai con chung tên là Q và U cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Riêng cháu B đã trưởng thành nên chị D không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét. Về cấp dưỡng: Trước đây chị D yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa, mỗi tháng 1.000.000đ, nay chị không yêu cầu nên Tòa không xét.

[2].3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị D khai tự giải quyết tài sản chung, không có nợ không yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn đề sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp được khấu trừ vào án phí.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 BLTTDS; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị D ly hôn anh **Võ Quang M.**

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Chị D và anh M có 03 con chung tên là Võ Thị Ngọc B, sinh ngày 06/02/2006, Võ Thị Thùy Q, sinh ngày 27/5/2013 và Võ Ngọc Phương U, sinh ngày 27/5/2018, hiện các con đang ở cùng chị D. Giao hai con chung tên Q và U cho chị D trực tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị D không yêu cầu nên Tòa không xét. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Tòa không xét.

[4] Về án phí DSST: Buộc chị D phải chịu 300.000đ về án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001840, ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 09/01/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

*Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
  - VKSND huyện T;
  - CCTHADS huyện T;
  - Phòng KTNV -TAND tỉnh BĐ;
  - UBND xã Ph
- (số 107, Ngày 12/10/2005)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Bích Thủy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA  
PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Bích Thủy**





